



1110-YOYO Series

BÁNH XE YOYO (Bánh xe đôi càng nhựa)

優優輪系列

- Thiết kế mặt bánh rộng, di chuyển êm, nhẹ, không gây tiếng động, xoay chuyển linh hoạt, hình dáng đẹp, ưa nhìn. Có thể lựa chọn hai loại bàn đạp (lớn và nhỏ), đáp ứng nhu cầu đa dạng hóa của khách hàng. Bánh xe dễ thao tác và chuyển hướng.

- 大輪寬設計, 行走穩定順暢且靜音、轉動靈活、外形美觀、兩種煞車踏板(大vs小)供選擇, 滿足客人多樣化需求、轉向易操控。

Tải trọng 載重
45-100KG



» Đặc điểm 特色區



Bàn đạp lớn
大踏板



Bàn đạp nhỏ
小踏板



Gồm hai màu để lựa chọn
兩種顏色供選擇

» Vật liệu bánh xe 輪子選項



Bánh PVC lõi PP
PVC輪

» Quy cách tấm lắp 底板規格

Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
42X42mm	32X32mm	M4/M5
60X60mm	39X39mm / 46X46mm	M6
69X96mm	45X75mm (Tấm lắp càng cao cấp)(高級底板)	M8

» Quy cách trục trơn 插桿規格

Đường kính x Độ dài trục trơn 插桿直徑 X 長度	Độ cao lỗ lắp 孔位高度	Kích thước lỗ lắp 孔尺寸
11X22mm	—	Vòng chữ C (C型環)
11X31.8mm	—	Vòng chữ C (C型銅扣環)
11X38mm	—	Vòng chữ C (C型銅扣環)
11X50mm	—	Vòng chữ C (C型環)

» Quy cách trục ren 絲扣規格

M8X15mm (帶法蘭 With Flange)	M8X25mm	M10X15mm	M10X19mm
M10X25mm	M12X25mm	1/2-12UNCX25mm	1/2-13UNCX25mm
3/8-16UNCX25mm			



 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	Quy cách 規格	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	Mã sản phẩm 型號		 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Lệch tâm 偏心距	 Bán kính xoay 迴旋半徑
				Càng xoay 活動	Khóa kép 雙煞				
Độ rộng mặt bánh 輪面寬度 65mm x 14.6mm (2.5" x 0.57")	Tấm lắp 四角底板	45kgs (110 lbs)	Bánh PVC lõi PP PVC輪	1110-Y-25-113-2	1110-Y-25-113-4	Ổng trục/ Ổng bạc 中管	81.5 mm	20 mm	Xoay 52.5mm Khóa (Bàn đạp lớn) 77mm Khóa (Bàn đạp nhỏ) 68.5mm 活動 52.5mm 剎車(大踏板) 77mm 剎車(小踏板) 68.5mm
	Trục ren 絲扣	45kgs (110 lbs)	Bánh PVC lõi PP PVC輪	1110-Y-25-113-2	1110-Y-25-113-4		75 mm		
	Trục trơn 插杆	45kgs (110 lbs)	Bánh PVC lõi PP PVC輪	1110-Y-25-113-2(1)	1110-Y-25-113-4(1)		72 mm		
				1110-Y-25-113-2	1110-Y-25-113-4		79 mm		
Độ rộng mặt bánh 輪面寬度 73mm x 16.3mm (3" x 0.64")	Tấm lắp 四角底板	45kgs (110 lbs)	Bánh PVC lõi PP PVC輪	1110-Y-03-113-2	1110-Y-03-113-4	Ổng trục/ Ổng bạc 中管	90 mm	24.5 mm	Xoay 61mm Khóa (Bàn đạp lớn) 85mm Khóa (Bàn đạp nhỏ) 77mm 活動 61mm 剎車(大踏板) 85mm 剎車(小踏板) 77mm
	Trục ren 絲扣	45kgs (110 lbs)	Bánh PVC lõi PP PVC輪	1110-Y-03-113-2	1110-Y-03-113-4		83 mm		
	Trục trơn 插杆	45kgs (110 lbs)	Bánh PVC lõi PP PVC輪	1110-Y-03-113-2(1)	1110-Y-03-113-4(1)		80 mm		
				1110-Y-03-113-2	1110-Y-03-113-4		87 mm		
Độ rộng mặt bánh 輪面寬度 100mm x 18mm (4" x 0.71")	Tấm lắp 四角底板	100kgs (220 lbs)	Bánh PVC lõi PP PVC輪	1110-Y-04-113-2	1110-Y-04-113-4	Ổ bị chính xác 精密軸承	115 mm	32 mm	Xoay 82mm Khóa (Bàn đạp lớn) 105mm Khóa (Bàn đạp nhỏ) 99mm 活動 82mm 剎車(大踏板) 105mm 剎車(小踏板) 99mm
	Trục ren 絲扣	100kgs (220 lbs)	Bánh PVC lõi PP PVC輪	1110-Y-04-113-2	1110-Y-04-113-4		108.5 mm		
	Trục trơn 插杆	100kgs (220 lbs)	Bánh PVC lõi PP PVC輪	1110-Y-04-113-2(1)	1110-Y-04-113-4(1)		105.5 mm		
				1110-Y-04-113-2	1110-Y-04-113-4		113 mm		

